

BÁO CÁO

Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2023 do Bộ Nội vụ công bố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 273/QĐ-BNV về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (viết tắt là CCHC) năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết chung là tỉnh). Theo đó, kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh Khánh Hòa năm 2023 đạt 88,6/100 điểm, tương ứng Chỉ số CCHC đạt 88,60%, cao nhất trong 12 năm đánh giá và lần thứ 5 liên tiếp tỉnh có chỉ số CCHC tăng so với năm trước, xếp vị thứ 14/63, tăng 2,41% và tăng 11 bậc so với năm 2022, xếp vị thứ 2/14 trong Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, Sở Nội vụ kính báo cáo kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa như sau:

I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2023 CỦA CÁC TỈNH

1. Tổng quan về Chỉ số CCHC cấp tỉnh

Chỉ số CCHC cấp tỉnh được sử dụng đánh giá, xếp hạng 63 UBND tỉnh, với 8 lĩnh vực đánh giá, 37 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần. Tổng điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó 32 điểm là đánh giá thông qua điều tra xã hội học.

- Lĩnh vực “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC”: 6 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Cải cách thể chế”: 4 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Cải cách thủ tục hành chính (viết tắt TTHC)”: 5 tiêu chí và 19 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Cải cách tổ chức bộ máy”: 4 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Cải cách chế độ công vụ”: 9 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Cải cách tài chính công”: 4 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số”: 5 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực “Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội”: 6 tiêu chí, 8 tiêu chí thành phần.

Qua tổng hợp, trong giai đoạn 2012-2023, năm 2023 là năm đầu tiên cả 63 tỉnh đều đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 80%. Kết quả CCHC trong năm 2023 mà các tỉnh đạt được là khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Theo đánh giá của Bộ Nội vụ, Chỉ số CCHC của các tỉnh đã trở lại quỹ đạo tăng trưởng tích cực, giá trị trung bình năm 2023 đạt 86,98%, cao hơn 2,19% so với năm 2022. Đây là năm thứ 5 liên tiếp Chỉ số CCHC của các tỉnh đạt giá trị trung bình trên 80%.

2. Kết quả cụ thể Chỉ số CCHC 2023 của các tỉnh

- Nhóm A, đạt kết quả Chỉ số từ 90% trở lên: Có 7 tỉnh, thành phố (tăng 05 địa phương so với năm 2022), trong đó tỉnh Quảng Ninh tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu với giá trị 92,18%, tiếp đó là thành phố Hải Phòng (91,87%), thành phố Hà Nội (91,43%), tỉnh Bắc Giang (91,16%), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (91,03%); tỉnh Thái Nguyên (90,76%) và tỉnh Lào Cai (90,60%).

- Nhóm B, đạt kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%: Có 56 tỉnh (không thay đổi so với năm 2022); đứng đầu nhóm B là tỉnh Long An, với chỉ số CCHC đạt 89,22%, tỉnh Khánh Hòa đạt 88,60 điểm, cuối nhóm là tỉnh An Giang đạt 81.32%.

Năm 2023, không có tỉnh nào nằm nhóm C (đạt kết quả Chỉ số dưới 80%).

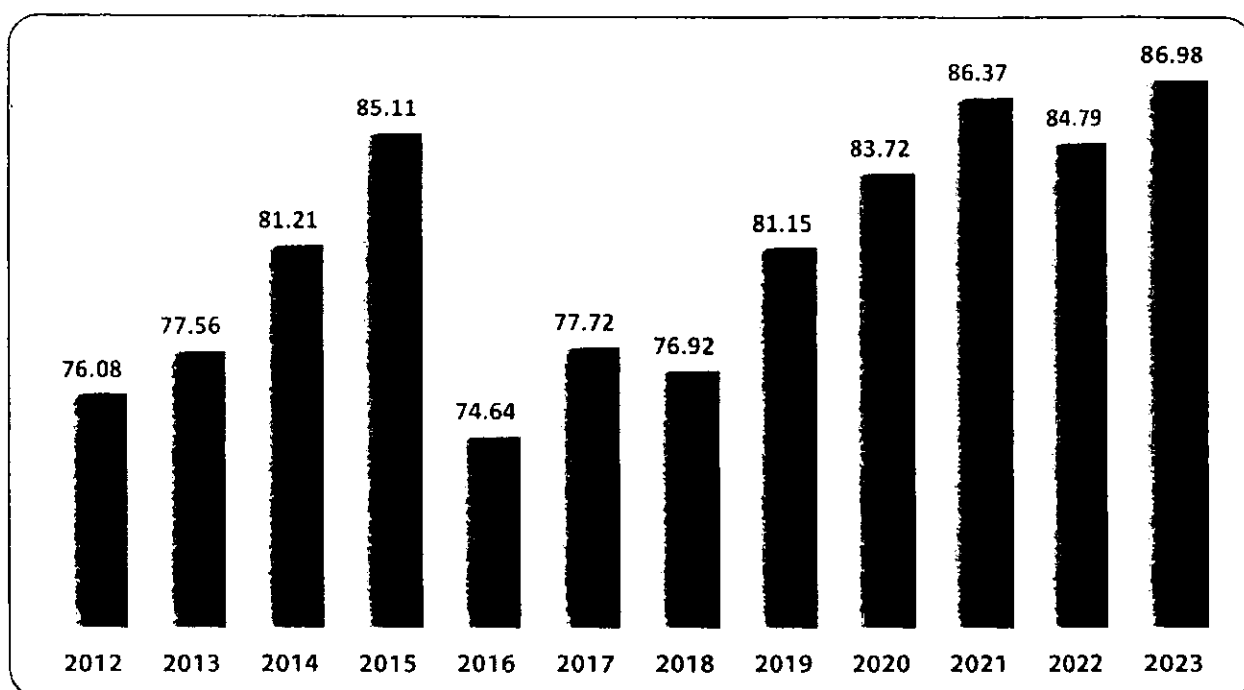
Xếp hạng	Tỉnh	Điểm thẩm định (61,5)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến phát triển KT-XH (6,50)		
1	Quảng Ninh	58,09	9,08	18,51	6.50	92,18	92,18
2	Hải Phòng	57,22	8,88	20,04	5.74	91,87	91,87
3	Hà Nội	58,60	8,37	18,55	5.91	91,43	91,43
4	Bắc Giang	58,30	8,16	19,09	5.61	91,16	91,16
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	57,53	8,99	18,59	5.93	91,03	91,03
6	Thái Nguyên	57,32	9,08	18,76	5.60	90,76	90,76
7	Lào Cai	58,85	8,88	17,54	5.32	90,60	90,60
8	Long An	57,26	7,96	18,46	5.54	89,22	89,22
9	Phú Thọ	55,96	8,75	18,93	5.55	89,19	89,19
10	Yên Bái	57,04	8,80	17,90	5.13	88,86	88,86
11	Ninh Bình	56,73	8,24	18,22	5.53	88,72	88,72
12	Đà Nẵng	57,79	8,36	17,09	5.45	88,68	88,68
13	Sơn La	55,57	8,23	20,23	4.63	88,66	88,66
(14)	Khánh Hòa					88,6	

Xếp hạng	Tỉnh	Điểm thẩm định (61,5)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến phát triển KT-XH (6,50)		
15	Nghệ An	56,38	8,79	17,49	5.82	88,48	88,48
16	Tuyên Quang	56,30	8,28	19,33	4.55	88,46	88,46
17	Thừa Thiên Huế	56,38	8,28	18,77	4.93	88,37	88,37
18	Hà Tĩnh	57,74	8,91	18,03	3.66	88,35	88,35
19	Hậu Giang	56,39	8,31	18,69	4.64	88,02	88,02
20	Điện Biên	56,23	8,02	19,92	3.85	88,02	88,02
21	Bình Phước	56,88	7,63	18,30	5.20	88,01	88,01
22	Hải Dương	54,64	9,34	18,33	5.53	87,84	87,84
23	Hà Giang	55,57	8,24	18,91	5.00	87,73	87,73
24	Bình Dương	54,29	8,47	18,83	6.06	87,64	87,64
25	Thanh Hóa	56,87	8,57	17,53	4.54	87,52	87,52
26	Hung Yên	56,23	8,91	17,95	4.30	87,38	87,38
27	Quảng Ngãi	57,39	8,03	17,74	4.20	87,37	87,37
28	Đắk Lắk	57,92	8,15	18,29	2.97	87,33	87,33
29	Nam Định	58,30	7,85	17,91	3,25	87,32	87,32
30	Hà Nam	57,17	8,25	18,13	3,75	87,30	87,30
31	Bình Định	57,38	8,14	18,12	3,66	87,29	87,29
32	Đồng Nai	54,32	8,07	19,29	5,36	87,04	87,04
33	TP. Hồ Chí Minh	55,80	8,16	16,89	6,12	86,97	86,97
34	Cà Mau	55,64	8,39	18,54	4,32	86,89	86,89
35	Hòa Bình	57,04	8,19	18,34	3,20	86,76	86,76
36	Ninh Thuận	57,02	8,28	18,49	2,89	86,68	86,68
37	Đồng Tháp	57,07	8,50	17,83	3,25	86,65	86,65
38	Thái Bình	56,03	8,59	17,87	4,00	86,49	86,49
39	Vĩnh Phúc	55,11	8,32	18,51	4,50	86,44	86,44
40	Kiên Giang	54,50	8,40	18,71	4,67	86,28	86,28
41	Quảng Trị	55,76	7,97	17,66	4,86	86,25	86,25
42	Cần Thơ	57,17	8,35	17,58	3,04	86,15	86,15
43	Yên Bái	54,05	8,50	18,22	4,26	86,14	86,14

Xếp hạng	Tỉnh	Điểm thẩm định (61,5)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến phát triển KT-XH (6,50)		
44	Quảng Bình	55,96	8,31	18,08	3,73	86,06	86,06
45	Tây Ninh	56,04	7,98	17,80	4,23	86,04	86,04
46	Lâm Đồng	55,99	8,04	17,60	4,39	86,02	86,02
47	Lạng Sơn	54,41	7,99	18,20	5,33	85,94	85,94
48	Trà Vinh	55,06	8,47	18,20	4,05	85,79	85,79
49	Lai Châu	56,90	7,97	18,01	2,89	85,78	85,78
50	Tiền Giang	55,76	8,04	17,67	4,30	85,77	85,77
51	Đắk Nông	56,86	8,17	16,66	3,73	85,42	85,42
52	Phú Yên	54,90	7,98	17,45	5,06	85,39	85,39
53	Vĩnh Long	55,54	8,05	17,42	4,30	85,30	85,30
54	Bến Tre	54,09	8,12	18,02	5,01	85,24	85,24
55	Bắc Ninh	55,97	7,73	16,91	4,00	84,61	84,61
56	Quảng Nam	54,89	7,89	18,28	3,53	84,60	84,60
57	Bắc Kạn	56,17	7,48	17,66	2,92	84,24	84,24
58	Gia Lai	53,51	8,44	16,40	3,82	82,17	82,17
59	Bạc Liêu	50,80	8,14	18,22	4,95	82,12	82,12
60	Cao Bằng	54,57	7,59	16,56	3,26	81,98	81,98
61	Bình Thuận	51,26	7,94	18,15	4,51	81,87	81,87
62	Sóc Trăng	51,61	8,19	18,44	3,48	81,70	81,70
63	An Giang	51,66	7,97	16,83	4,86	81,32	81,32
Trung bình		56,00	8,29	18,15	4,54	86,98	86,98

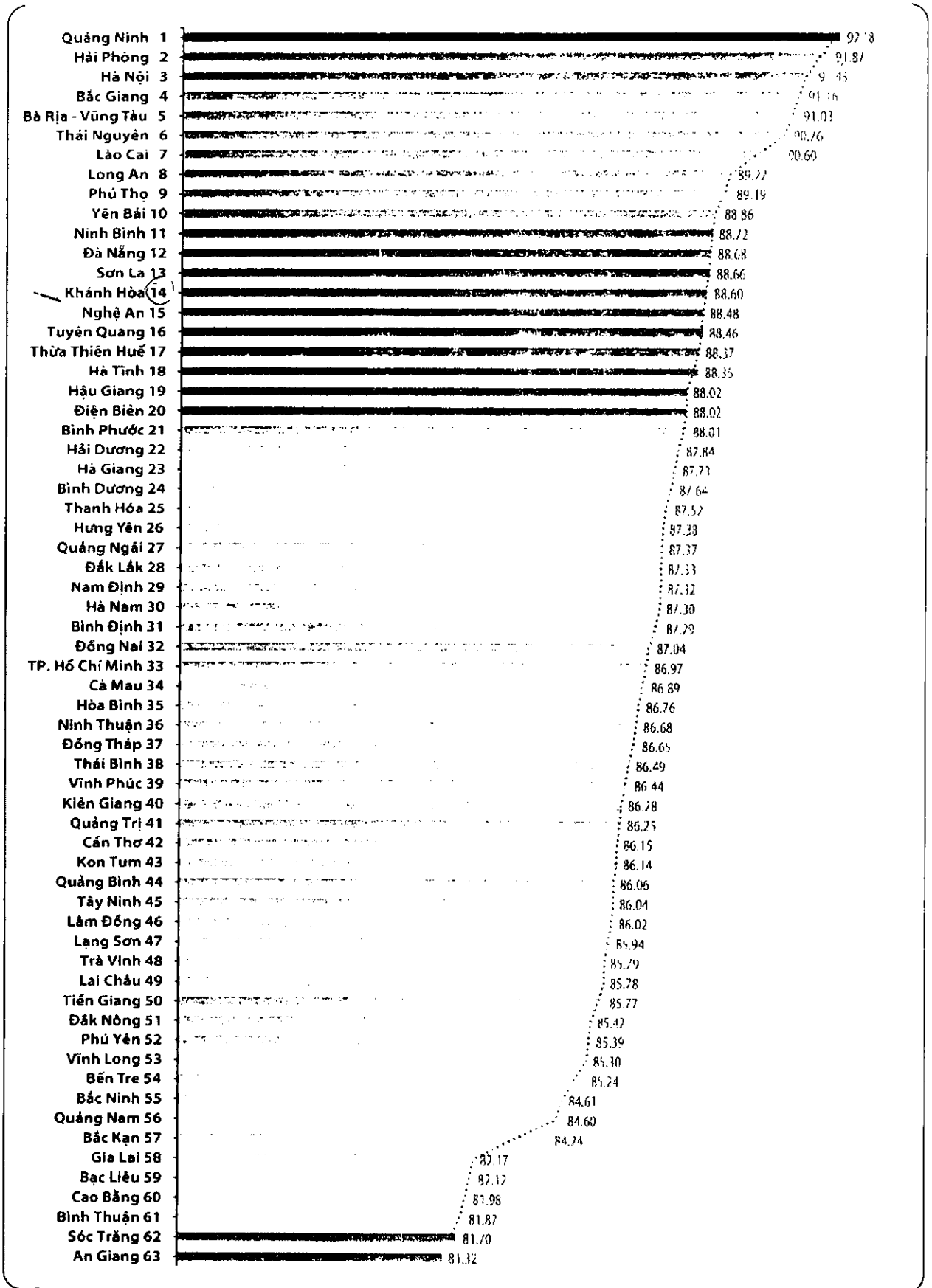
Bảng 1. Tổng hợp kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 của các tỉnh, thành phố

Trong năm 2023, 6/6 vùng kinh tế - xã hội đều có giá trị trung bình Chỉ số CCHC đạt trên 80% và đều tăng trưởng cao hơn so với năm 2022. Giá trị trung bình cao nhất là Vùng đồng bằng sông Hồng với kết quả đạt 88,33%, cao hơn 1,71% so với năm 2022 (86,62%); xếp vị trí thứ 2 là Vùng Đông Nam Bộ, đạt 87,79%, cao hơn 3,05% so với năm 2022 (84,74%), đây cũng là vùng có giá trị trung bình Chỉ số CCHC tăng trưởng cao nhất. Tiếp theo là Vùng trung du miền núi phía Bắc, đạt 87,72%, cao hơn 2,72% so với năm 2022 (85,00%). Xếp vị trí thứ 4 là vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, đạt 86,82%, cao hơn 2,57% so với năm 2022 (84,25%). 02 vùng còn lại có cùng giá trị trung bình đạt 85,42% là vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên.



Biểu đồ 1. Giá trị trung bình Chỉ số CCHC các tỉnh, thành phố giai đoạn 2012-2023

Có 32/63 địa phương đạt kết quả Chỉ số CCHC cao hơn mức trung bình các tỉnh. 57/63 tỉnh có Chỉ số CCHC cao hơn so với năm 2022, trong đó tỉnh Phú Yên là địa phương có chỉ số tăng nhiều nhất (+9,39%), tăng ít nhất là thành phố Cần Thơ (+0,03%). Bên cạnh đó, vẫn còn 06 địa phương có giá trị chỉ số giảm nhưng mức giảm không đáng kể, nhiều nhất là 2,91% (tỉnh An Giang) và giảm ít nhất là 0,51% (tỉnh Lai Châu).



Biểu đồ 2. Chỉ số CCHC năm 2023 của 63 tỉnh, thành phố

Năm 2023, có 7/8 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2022, trong đó tăng nhiều nhất là Chỉ số thành phần “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số”, với mức tăng 6,60%; Chỉ số thành phần duy nhất có giá trị trung bình giảm so với 2022 là “Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương” (-1,29%).

Có 4 chỉ số thành phần đạt giá trị trên 90%, gồm:

(1) “Chỉ đạo điều hành CCHC” đạt giá trị trung bình cao nhất, đạt 95,25%, cao hơn 3,60% so với năm 2022; đây là lần thứ 3 liên tiếp Chỉ số thành phần này có giá trị trung bình trên 90%.

(2) “Cải cách TTHC” tiếp tục duy trì vị thế cao trong nhiều năm gần đây, năm 2023, giá trị trung bình xếp vị trí thứ 2/8 chỉ số thành phần, đạt 94,32%, cao hơn 0,60% so với năm 2022 (đạt 93,72%).

(3) “Cải cách thể chế” xếp vị trí thứ 3, đạt 93,21%, cao hơn 2,45% so với năm 2022 (đạt 90,76%) và là năm thứ 2 liên tiếp đạt giá trị trung bình trên 90%.

(4) “Cải cách tổ chức bộ máy”, xếp vị trí thứ 4/8 chỉ số thành phần, đạt giá trị trung bình là 91,28%, cao hơn 2,70% so với năm 2022.

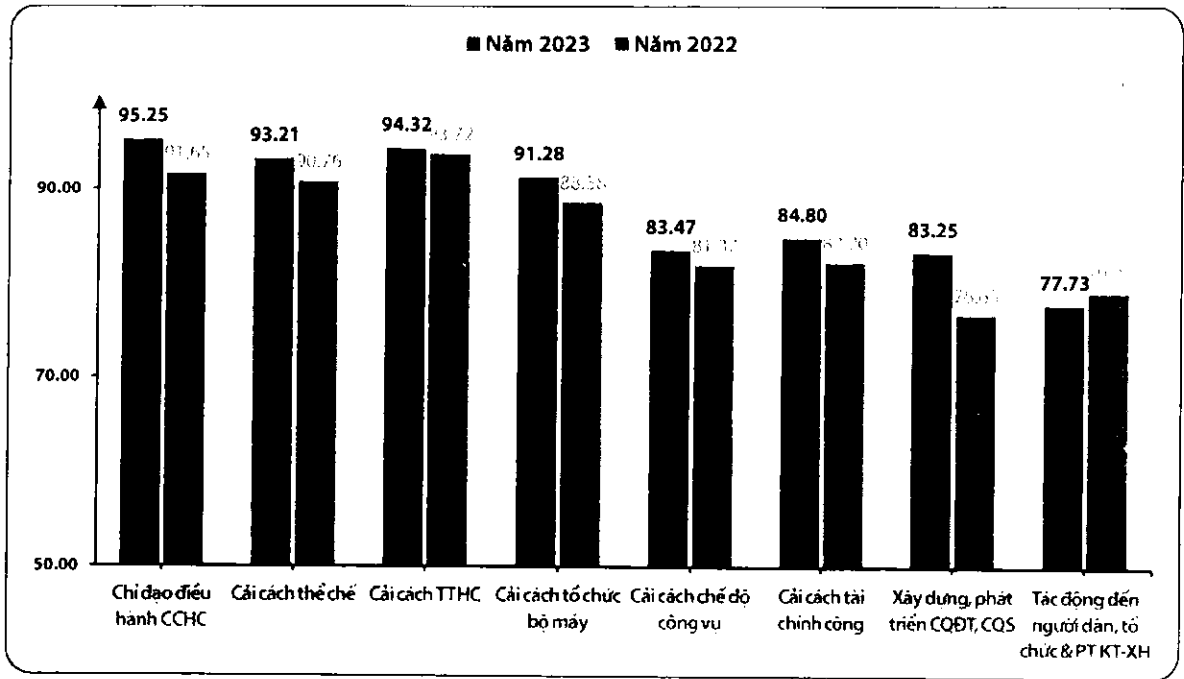
Có 3/8 chỉ số thành phần có giá trị trên 80% - dưới 90%, gồm:

(1) “Cải cách tài chính công” đạt 84,80%, cao hơn 2,60% so với năm 2022 (đạt 82,20%);

(2) “Cải cách chế độ công vụ”, đạt 83,47%, cao hơn 1,69% so với năm 2022 (đạt 81,78%);

(3) “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số” tuy xếp vị trí thứ 7/8 nhưng lại có giá trị trung bình tăng trưởng cao nhất so với các Chỉ số thành phần còn lại, đạt 83,25%, tăng 6,6% so với năm 2022 (chỉ đạt 76,65%);

Riêng tiêu chí thành phần “Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương” có giá trị trung bình chỉ đạt 77,73%, thấp hơn 1,29% so với năm 2022 (đạt 79,02%); thấp nhất trong 8 chỉ số đánh giá và đây cũng là chỉ số thành phần duy nhất đạt dưới 80%. Sự giảm điểm này là do chịu tác động từ kết quả phát triển kinh tế - xã hội của một số tỉnh (tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới thấp, thu hút đầu tư không tăng so với năm trước, thu ngân sách không đạt so với kế hoạch,...; tập trung chủ yếu ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung).

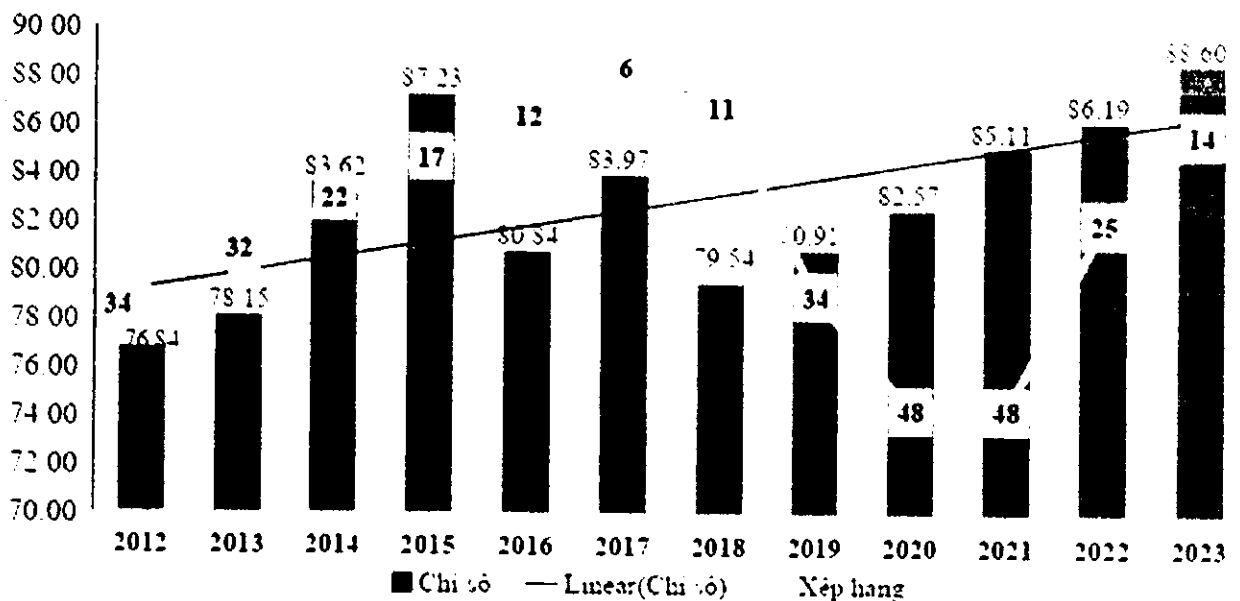


Biểu đồ 3. So sánh giá trị trung bình các Chỉ số thành phần năm 2023 và 2022

II. CHỈ SỐ CCHC NĂM 2023 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

1. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa

Năm 2023, kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đạt 88,60/100 điểm, tương ứng Chỉ số CCHC đạt 88,60% (cao nhất trong 12 năm đánh giá, đây là lần thứ 5 liên tiếp chỉ số CCHC của tỉnh tăng so với năm trước liền kề), cao hơn 1,62% chỉ số trung bình chung các tỉnh (86,98%); xếp hạng 14/63 các tỉnh và xếp thứ 2/14 địa phương thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.



Biểu đồ 4. Kết quả Chỉ số và xếp hạng CCHC tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012 - 2023

So với năm 2022, chỉ số CCHC tăng 2,41% và tăng 11 bậc; cụ thể:

- *Kết quả CCHC của tỉnh được Hội đồng thẩm định*: Đạt 57,51/61,50 điểm, tương ứng **93,52%**, tăng 3,00% so với năm 2022, xếp vị trí **10/63 tỉnh, thành phố, tăng 03 bậc** so với năm 2022, tiếp tục duy trì vị trí ổn định trong nhóm các địa phương có chỉ số điểm thẩm định cao (trên 90%). Tỉnh có tỷ lệ điểm thẩm định cao nhất là Lào Cai (95,69%), thấp nhất là Bạc Liêu (82,60%).

- *Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức, cán bộ, lãnh đạo quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh*: Đạt 31,09/38,50 điểm, tương ứng **80,75%**, tăng 0,57 điểm (tương ứng 1,48%) so với năm 2022; xếp thứ **32/63 tỉnh, thành phố; tăng 05 bậc** so với năm 2022 (30,52 điểm). Địa phương có điểm cao nhất là Hải Phòng (đạt 34,66 điểm, tương ứng 90,02%), thấp nhất 02 năm liền vẫn là Cao Bằng (đạt 27,41 điểm, tương ứng 71,19%).

Kết quả cụ thể các chỉ số thành phần:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: Đạt 9,02/9,50 điểm, tương ứng 94,98% (xếp vị thứ 40/63 tỉnh, thành phố);

- Cải cách thể chế: Đạt 6/6 điểm, tương ứng 100% (xếp vị thứ 01/63¹ tỉnh, thành phố);

- Cải cách TTHC: Đạt 12,46/13 điểm, tương ứng 95,86% (xếp vị thứ 27/63 tỉnh, thành phố);

- Cải cách tổ chức bộ máy: Đạt 6,44/6,50 điểm, tương ứng 99,03% (xếp vị thứ 21/63 tỉnh, thành phố);

- Cải cách chế độ công vụ: Đạt 5/6 điểm, tương ứng 83,33% (xếp vị thứ 32/63 tỉnh, thành phố);

- Cải cách tài chính công: Đạt 7,69/8 điểm, tương ứng 96,19% (xếp vị thứ 10/63 tỉnh, thành phố);

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Đạt 10,89/12,50 điểm, tương ứng 87,12% (xếp vị thứ 16/63 tỉnh, thành phố);

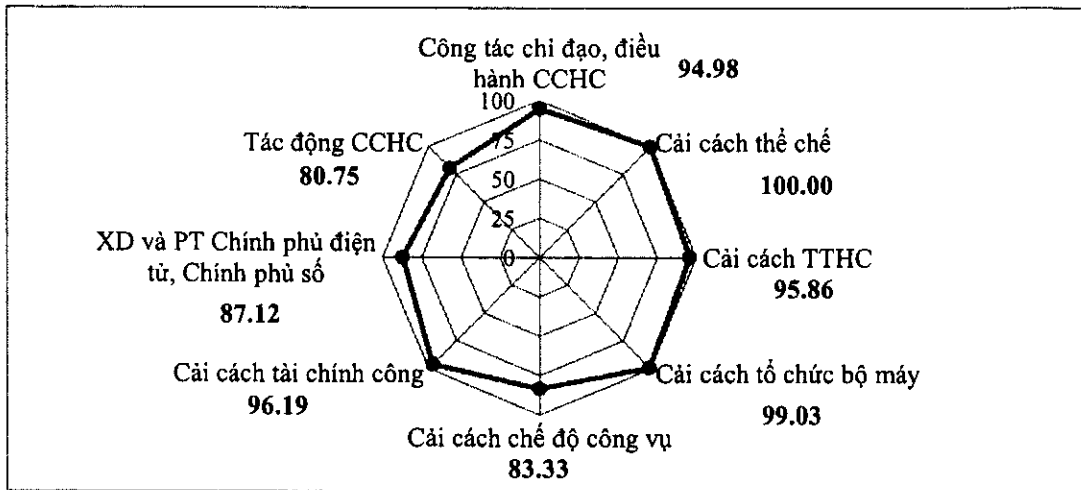
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức, cán bộ, lãnh đạo quản lý và phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 31,09/38,50 điểm, tương ứng 80,75% (xếp vị thứ 32/63 tỉnh, thành phố).

Số TT	Lĩnh vực	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Kết quả thẩm định năm 2023			Tỷ lệ điểm năm 2022	Tăng/Giảm
				Điểm	Tỷ lệ	Vị thứ		
I	Kết quả CCHC được thẩm định	61,50	60,19	57,51	93,52%	10/63	90,52%	3,00%
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	9,50	9,49	9,02	94,98%	40/63	99,05%	-4,07%
2	Cải cách thể chế	6,00	6,00	6,00	100%	1/63	100%	0%
3	Cải cách TTHC	13,00	12,46	12,46	95,86%	27/63	89,62%	6,24%
4	Cải cách tổ chức bộ máy	6,50	6,44	6,44	99,03%	21/63	96,31%	2,72%
5	Cải cách chế độ công vụ	6,00	5,50	5,00	83,33%	32/63	83,33%	0%
6	Cải cách tài chính công	8,00	7,79	7,69	96,19%	10/63	96,75%	-0,56%
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	12,50	11,92	10,89	87,12 %	16/63	76,88%	10,24%
II	Tác động của CCHC	38,50	3,57	31,09	80,75%	32/63	79,27%	1,48%
1	Chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội	6,50	3,57	4,57	70,31%	30/63	70,31%	0
2	Kết quả khảo sát người dân, tổ chức	10,00	Kết quả khảo sát của Bộ Nội vụ	8,10	81,09%	43/63	77,61%	3,48%
3	Kết quả khảo sát cán bộ, lãnh đạo quản lý	22		18,42	83,71%	22/63	82,73%	0,98%
Chỉ số CCHC		100		88,60	88,60%	14/63	86,19%	2,41%

Bảng 2. Tổng hợp kết quả Chỉ số các lĩnh vực năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa

Thống kê cho thấy, có 8/8 lĩnh vực đánh giá có tỷ lệ điểm đạt trên 80%; trong đó có 5 lĩnh vực đạt trên 90% (tăng 1 lĩnh vực so với năm 2022), gồm: “Cải cách thể chế” đạt 100%, cao nhất trong các lĩnh vực; “Cải cách tổ chức bộ máy” đạt 99,03%; “Cải cách tài chính công” đạt 96,19%; “Cải cách TTHC” đạt

phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số” năm 2022 có tỷ lệ điểm thấp nhất 76,88%; song năm 2023 đã tăng vọt 10,24%, đạt 87,12% (tỷ lệ tăng nhiều nhất trong 8 lĩnh vực đánh giá).



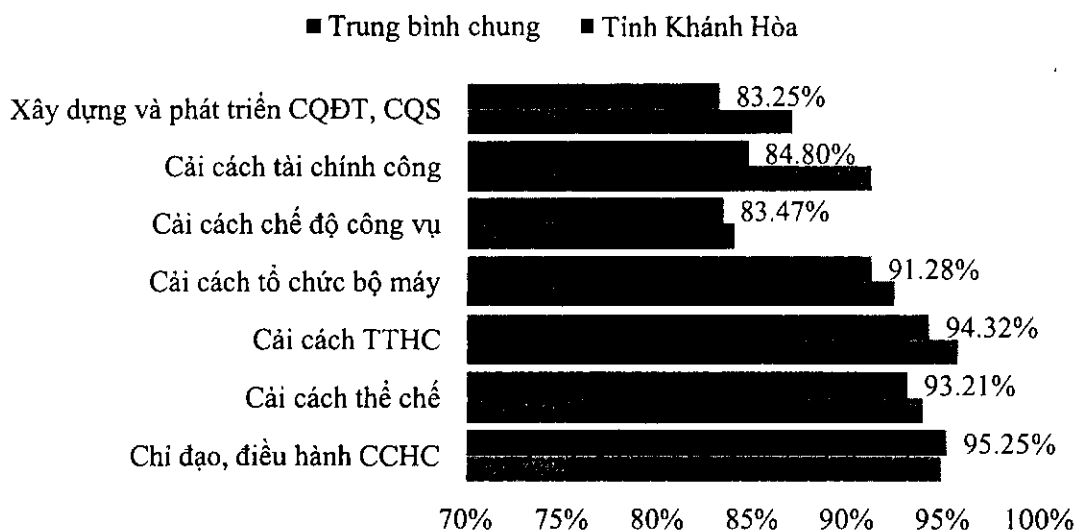
Biểu đồ 5. Chỉ số CCHC thành phần năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa

Đối với nội dung “Đánh giá tác động của CCHC”, 2/3 chỉ số thành phần đạt trên 80%; riêng điểm tiêu chí “Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội” vẫn duy trì mức khá thấp, không thay đổi so với năm 2022 (70,31%).

Năm 2023, có đến 4/8 lĩnh vực có chỉ số tăng so với năm 2022. Lĩnh vực “Cải cách chế độ công vụ” đạt điểm tối đa (giữ nguyên so với năm trước); 02 lĩnh vực có tỷ lệ điểm tăng nhiều nhất là “Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số” tăng 10,27%; “Cải cách TTHC” tăng 6,24%. 2 lĩnh vực có chỉ số giảm là “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC” giảm 4,07%; “Cải cách tài chính công” giảm 0,56%.

2. So sánh Chỉ số thành phần tỉnh Khánh Hòa với trung bình các tỉnh

So với giá trị trung bình các chỉ số thành phần của 63 tỉnh, thành phố, tỉnh Khánh Hòa có 6/8 lĩnh vực có tỷ lệ điểm cao hơn tỷ lệ điểm trung bình, gồm “Cải cách TTHC”, “Cải cách tổ chức bộ máy”, “Cải cách tài chính công”, “Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số”, “Tác động CCHC”; 02 lĩnh vực có tỷ lệ điểm thấp hơn trung bình chung, gồm “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC”, “Cải cách chế độ công vụ”.



Biểu đồ 6. So sánh Chỉ số thành phần tỉnh Khánh Hòa với các tỉnh, thành phố

3. Kết quả đạt được trên các chỉ số thành phần

3.1. Kết quả CCHC của tỉnh do Hội đồng thẩm định đánh giá

Được đánh giá trên 88 tiêu chí, tiêu chí thành phần, điểm đánh giá tối đa 61,50/100 điểm. Kết quả đánh giá năm 2023, nhóm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ CCHC của các tỉnh đạt điểm trung bình 56,00/61,50 điểm, đạt tỷ lệ 91,06%, tăng 2,83% so với năm 2022 (đạt 88,23%).

Hội đồng thẩm định đánh giá tỉnh Khánh Hòa đạt 57,51/61,50 điểm, đạt tỷ lệ 93,52%, cao hơn trung bình chung các tỉnh 2,46%, xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố, tăng 2,99% và tăng 3 bậc so với năm 2022. Kết quả cụ thể như sau:

3.1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Được đánh giá trên 7 tiêu chí: (1) Thực hiện kế hoạch CCHC; (2) Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ; (3) Công tác kiểm tra CCHC; (4) Công tác tuyên truyền CCHC; (5) Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC; (6) Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và (7) Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp.

Các tiêu chí này tối đa đạt 9,50 điểm, trong đó tỉnh tự đánh giá 6 tiêu chí (tối đa 8 điểm) và Hội đồng thẩm định sẽ đánh giá 1 tiêu chí (tối đa 1,50 điểm). Tỉnh tự đánh giá 8/8 điểm.

Kết quả đạt được: Tỉnh đạt điểm 9,02/9,50 điểm (đạt tỷ lệ 94,98%), thấp hơn 0,25% so với mức trung bình chung các tỉnh và giảm 4,07% so với năm 2022, xếp vị thứ 40/63 tỉnh; giảm 25 bậc so với năm 2022.

Cả nước có 5/63 địa phương đạt điểm tối đa ở chỉ số thành phần này, gồm Quảng Ninh, Hậu Giang, Thanh Hóa, Hòa Bình và Ninh Bình, trong đó Quảng Ninh là địa phương có 4 năm liên tiếp đạt điểm tối đa ở lĩnh vực đánh giá này

Tỉnh Khánh Hòa bị mất điểm ở 2 tiêu chí thành phần:

(1) Tiêu chí thành phần “**Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra**”: Đạt 0,7609/1,00 điểm.

Ý kiến Hội đồng thẩm định “*Những vấn đề đơn vị báo cáo là đang triển khai hoặc đã chỉ đạo, sẽ thực hiện trong thời gian tới,... thì sẽ tính là đã xử lý nhưng chưa hoàn thành*”, do vậy Hội đồng thẩm định chỉ ghi nhận 61/92 vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý.

(2) Tiêu chí thành phần “**Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**”: Đạt 1,2623/1,50 điểm.

Theo Báo cáo số 66/BC-VPCP ngày 03/01/2024 của Văn phòng Chính phủ về tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2023, UBND tỉnh được giao 61 nhiệm, đã hoàn thành đúng tiến độ 50 nhiệm vụ, hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ 2 nhiệm vụ.

3.1.2. Cải cách thể chế

Được đánh giá trên 3 tiêu chí: (1) Theo dõi thi hành pháp luật; (2) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật; (3) Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị.

Các tiêu chí này tối đa đạt 6 điểm. Tỉnh tự đánh giá 6/6 điểm.

Kết quả đạt được: Đây là năm thứ 2 liên tiếp, tỉnh đạt điểm tối đa ở lĩnh vực này và là lĩnh vực duy nhất đạt tỷ lệ điểm 100%, cao hơn 1,13% so với mức trung bình chung các tỉnh.

Cả nước có 48/63 tỉnh đạt điểm tối đa ở lĩnh vực này. Vĩnh Phúc là địa phương đạt điểm thấp nhất (5,14/6 điểm, tương ứng 85,67%).

3.1.3. Cải cách TTHC

Được đánh giá trên 5 tiêu chí: (1) Kiểm soát quy định TTHC; (2) Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ; (3) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; (4) Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; (5) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

Các tiêu chí này tối đa đạt 13 điểm. Tỉnh tự đánh giá 12,96/13 điểm.

Kết quả đạt được: Tỉnh đạt 12,46 điểm tương đương tỷ lệ 95,86%, xếp vị thứ 27/63 tỉnh, thành phố, tăng 6,24% và 26 bậc so với năm 2022.

Tỉnh Hòa Bình là địa phương đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” năm 2023, đạt 99,93%. Bạc Liêu là địa phương đứng cuối bảng xếp hạng với kết quả đạt 79,48% và là địa phương duy nhất có kết quả dưới 80%.

Tỉnh có 02 tiêu chí thành phần bị mất điểm cụ thể:

(1) Tiêu chí thành phần “**Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định**”: Đạt 0/0,5 điểm.

Ý kiến Hội đồng thẩm định: “**Việc công bố quyết định TTHC còn chậm, muộn. Ví dụ: Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh về việc công bố kèm theo Quyết định này danh mục TTHC ban hành mới và bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định y khoa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế**”.

(2) Tiêu chí thành phần “**Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**”: Đạt 4,9775/5 điểm vì vẫn còn hồ sơ trễ hạn.

3.1.4. Cải cách tổ chức bộ máy

Được đánh giá trên 3 tiêu chí: (1) Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị; (2) Thực hiện các quy định về quản lý biên chế; (3) Thực hiện phân cấp quản lý.

Các tiêu chí này tối đa 6,50 điểm. Tỉnh Khánh Hòa tự đánh giá 6,44/6,50 điểm.

Kết quả đạt được: Hội đồng thẩm định thống nhất với điểm tự đánh giá của tỉnh là 6,44/6,50 điểm, đạt tỷ lệ 99,03%, xếp vị thứ 21/63; tăng 2,72% và tăng 03 bậc so với năm 2022.

Có 12/63 tỉnh đạt điểm tối đa 6,5/6,5 điểm, gồm: Lai Châu, Hà Nội, Hòa Bình, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Quảng Trị, Yên Bái, Đồng Tháp, Hải Phòng, Sóc Trăng, Cao Bằng, Sơn La. Bình Thuận là địa phương đạt điểm thấp nhất (5,23/6,50 điểm, tương ứng 80,46%).

Tỉnh có 1 tiêu chí thành phần bị mất điểm: “**Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015**”: Đạt 0,94/1 điểm vì tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 của tỉnh chỉ đạt 18,74% (để đạt điểm tối đa, tỷ lệ này cần trên 20%).

3.1.5. Cải cách chế độ công vụ

Được đánh giá trên 7 tiêu chí: (1) Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; (2) Tuyển dụng công chức, viên chức; (3) Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; (4) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; (5) Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; (6) Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; (7) Cán bộ, công chức cấp xã.

Các tiêu chí này tối đa 6 điểm. Tỉnh tự đánh giá 5,5/6 điểm.

Kết quả đạt được: Hội đồng thẩm định được 5/6 điểm (tỷ lệ 83,33%), thấp hơn 1,50% so với mức trung bình chung các tỉnh; không thay đổi so với năm 2022; tuy nhiên cải thiện vị trí xếp hạng so với năm 2022 (xếp vị thứ 32/63, tăng 04 bậc). Theo kết quả đánh giá có 3/63 tỉnh đạt điểm tối đa, gồm: Thừa Thiên

Huế, Lào Cai, Quảng Trị; tỉnh Kiên Giang có kết quả thấp nhất, đạt 3,57 điểm, tương ứng 62,50%.

Tỉnh có 02 tiêu chí thành phần bị trừ điểm:

(1) Tiêu chí thành phần **“Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức”**: Bị trừ 0,5 điểm vì trong năm 2023 có lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương ứng bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.

(2) Tiêu chí thành phần **“Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã”**: Bị trừ 0,5 điểm. Hội đồng thẩm định không thống nhất với giải trình của tỉnh với lý do *“Đối với cán bộ, ngoài chức danh trưởng đoàn thể và các đơn vị hành chính miền núi, tỉnh vẫn còn cán bộ giữ chức Phó Chủ tịch UBND, HĐND chưa có trình độ cao đẳng, đại học. Đối với công chức còn 114 trường hợp chưa đạt chuẩn. Do vậy, theo thực trạng hiện nay đánh giá là không đạt chuẩn.”*

Thời hạn 5 năm trong Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là để địa phương giải quyết tồn tại đối với công chức chưa đạt chuẩn không phải dùng để công nhận tiêu chuẩn.”

3.1.6. Cải cách tài chính công

Được đánh giá trên 3 tiêu chí: (1) Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách; (2) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công; (3) Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các tiêu chí này tối đa 8 điểm. Tỉnh tự đánh giá 7,79/8 điểm.

Kết quả đạt được: Tỉnh đạt 7,69/8 điểm, tương ứng 96,19%, xếp vị thứ 10/63 tỉnh, thành phố (giảm 0,56% và giảm 3 bậc so với năm 2022).

Có 31/63 tỉnh đạt tỷ lệ điểm trên 90%, trong đó Cần Thơ là địa phương có tỷ lệ điểm cao nhất, đạt 99,75%; tỉnh Sóc Trăng đạt tỷ lệ điểm thấp nhất, chỉ đạt 57,63%.

Có 02 tiêu chí thành phần tỉnh bị mất điểm, cụ thể:

(1) Tiêu chí thành phần **“Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm”**: Đạt 0,76/1 điểm, tương ứng tỷ lệ giải ngân năm 2023 đạt 76%.

Ý kiến Hội đồng thẩm định: Không đồng ý *“loại trừ nguồn vốn trái phiếu chính quyền địa phương không phân bổ được”* ra khỏi tổng kế hoạch vốn tỉnh Khánh Hòa được Thủ tướng Chính phủ giao năm 2023.

(2) Tiêu chí thành phần **“Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách”**: Đạt 0.94/1 điểm, tương ứng số

phải thực hiện là 3.432.710.606 đồng; số kiến nghị của Kiểm toán đã thực hiện là 3.224.858.795.467 đồng).

3.1.7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Được đánh giá trên 03 tiêu chí: (1) Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu; (2) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước; (3) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức.

Các tiêu chí này tối đa đạt 12,50 điểm. Tỉnh tự đánh giá 11,92/12,50 điểm.

Kết quả đạt được: Tỉnh đạt 10,89/12,50 điểm, đạt tỷ lệ 87,12%, xếp vị trí 16/63 tỉnh, thành phố; so với năm 2022 tăng 10,24% và tăng 15 bậc. Kết quả thống kê có 06/63 tỉnh đạt tỷ lệ điểm trên 90%, cao nhất là Bắc Giang đạt 92,16%; tỉnh có tỷ lệ điểm thấp nhất là Bạc Liêu (64,80%).

Trong 3 tiêu chí đánh giá tại lĩnh vực này, tiêu chí “Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước” là tiêu chí duy nhất được Hội đồng thống nhất đạt điểm tối đa (3/3 điểm). Có 04 tiêu chí thành phần thuộc 2 tiêu chí còn lại chưa đạt điểm tối đa, cụ thể:

(1) Tiêu chí thành phần “**Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định**”: Tất cả địa phương đều không có điểm (0,50 điểm) vì Bộ Thông tin và Truyền thông chưa triển khai kết nối nền tảng điện toán đám mây trong năm 2023.

(2) Tiêu chí thành phần “**Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức**”: Đạt 0,23/1 điểm. Theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, tỉnh chỉ mới đưa vào sử dụng chính thức 4/17 dịch vụ dữ liệu trong năm 2023, gồm: (1) Dịch vụ đồng bộ, chia sẻ dữ liệu cán bộ công chức; (2) Dịch vụ tra cứu hồ sơ TTHC của Bộ Giao thông vận tải; (3) Dịch vụ dữ liệu danh mục điện tử dùng chung; (4) Dịch vụ đồng bộ thông tin hồ sơ, trạng thái xử lý TTHC liên quan đất đai có thực hiện nghĩa vụ thuế, hồ sơ đất đai VBĐlis.

(3) Tiêu chí thành phần “**Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình**”: Đạt 1,34/1,50 điểm, tương ứng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của tỉnh đạt 92,13% (để đạt điểm tối đa thì tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của địa phương phải đạt 100%).

(4) Tiêu chí thành phần “**Thực hiện thanh toán trực tuyến**”: Đạt 1,28/1,50 điểm do mất điểm tại các nội dung đánh giá sau:

+ Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: Đạt 0,4/0,5 điểm, tương ứng “Số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến” trên “Số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh hồ sơ” là 80,09% (338/422 TTHC).

3.2. Kết quả tác động của CCHC

Nhóm tiêu chí đánh giá tác động của CCHC tại các tỉnh được đánh giá, đo lường thông qua 32 tiêu chí, tiêu chí thành phần với tổng số điểm tối đa là 38,50/100 điểm, bao gồm 3 trụ cột đánh giá:

(1) Kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước: 10 điểm;

(2) Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của đội ngũ lãnh đạo, quản lý tại các sở, ngành, huyện: 22,5 điểm;

(3) Kết quả đánh giá mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội: 6,5 điểm.

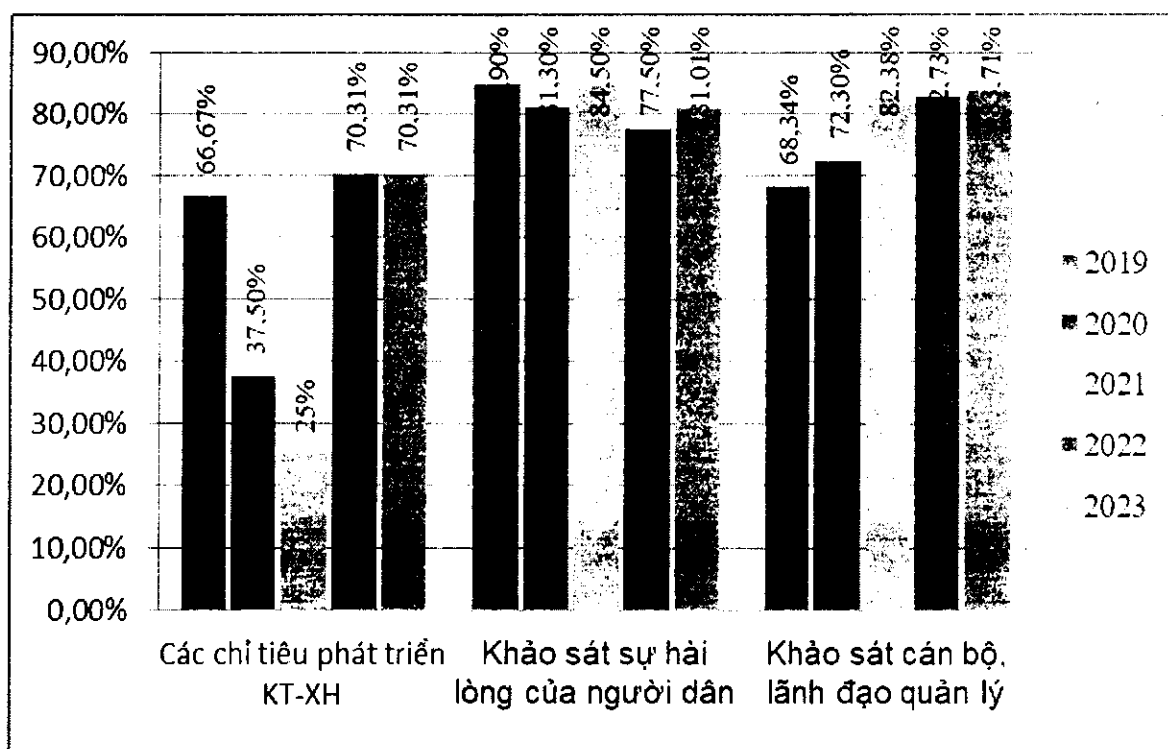
Kết quả đánh giá năm 2023, nhóm tiêu chí đánh giá tác động của CCHC tại các tỉnh trung bình đạt 30,97/38,50 điểm, tương ứng 80,45%, tăng 0,45 điểm, tương ứng 1,18% so với năm 2022. Thành phố Hải Phòng là địa phương đứng đầu ở nhóm tiêu chí đánh giá này, đạt 34,66 điểm, tương ứng 90,03%.

Nhóm tiêu chí này tỉnh Khánh Hòa đạt 31,09/38,50 điểm, tương ứng 80,75%, tăng 1,48% và tăng 5 bậc so với năm 2022 (đạt 79,27%). Kết quả cụ thể 3 trụ cột đánh giá tác động của CCHC như sau:

(1) ***Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:*** Có tỷ lệ điểm đánh giá thấp nhất, đạt 4,75/6,50 điểm, tương ứng 70,31% bằng với năm 2022 nhưng tăng 10 bậc, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố.

(2) ***Kết quả khảo sát lãnh đạo, quản lý của tỉnh đánh giá CCHC của tỉnh:*** Đạt 18,42/22 điểm, tương ứng 83,71%, xếp thứ 22/63 tỉnh, thành phố, tăng 0,98% so với năm 2022 nhưng giảm 10 bậc trên bảng xếp hạng.

(3) ***Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh:*** Đạt 81,01%, xếp hạng 43/63 tỉnh, thành phố, tăng 3,48% và tăng 10 bậc so với năm 2022.



Biểu đồ 7. So sánh kết quả điểm các nhóm tiêu chí đánh giá tác động của CCHC tại Khánh Hòa trong giai đoạn 2019- 2023

Số liệu minh họa tại Biểu đồ 7 cho thấy nhóm tiêu chí đánh giá tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tiếp tục duy trì tăng trưởng so với các năm trước (mặc dù giữ nguyên điểm so với năm 2022 nhưng tăng 10 bậc trên bảng xếp hạng). Tỷ lệ điểm khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có cải thiện đáng kể, đạt 81,09%, tăng 3,48% và 10 bậc so với năm 2022. Trong khi đó tỷ lệ điểm khảo sát cán bộ, lãnh đạo quản lý mặc dù tăng so với năm 2022 nhưng lại giảm 10 bậc trên bảng xếp hạng.

Kết quả cụ thể năm 2023 như sau:

3.2.1. Tác động đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Được đánh giá thông qua 4 tiêu chí: (1) Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh; (2) Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh, bao gồm 3 tiêu chí thành phần là “Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường”, “Số vốn đăng ký của doanh nghiệp” và “Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp”; (3) Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo kế hoạch được Chính phủ giao; (4) Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

Tổng điểm của các tiêu chí này là 6,5 điểm. Tỉnh tự đánh giá 3,57 điểm.

Kết quả đạt được: Tỉnh đạt 4,57/6,50 điểm, đạt tỷ lệ 70,31%, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố, tăng 10 bậc so với năm 2022.

Kết quả thống kê có 5/63 tỉnh đạt tỷ lệ điểm trên 90%, trong đó Quảng Ninh là địa phương duy nhất đạt tỷ lệ điểm 100%. Lai Châu và Ninh Thuận có kết quả